**Mẫu 2.2**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM**  
**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[Tên cơ sở]** báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4]       Ngày lập báo cáo […/…/….]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn

Tên cơ sở: ………………………………………………………………….……

Mã số thuế: ………………………………………………………………….……

Địa chỉ: …………………………………………………… [Tên Huyện ....]     [Tên Tỉnh…. ]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ……………………………………………….

Điện thoại: …………………………Fax: …………………………, Email: …………………………

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ……………………………………………………

Địa chỉ: ………………………… ………………………… [Tên Huyện ....]   [Tên Tỉnh……..]

Điện thoại: …………………… Fax: …………………………, Email: …………………………

Chủ sở hữu: (Nhà nước/thành phần kinh tế khác)

**I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiên liệu sử dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Khối lượng SD/năm** | **Nhiệt trị thấp***(kJ/kg)* |
| Nhiên liệu chính  Nhiên liệu thay thế  Nhiên liệu phụ trợ 1  Nhiên liệu phụ trợ 2 |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tổ máy** | **Công suất***(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** | **Số tổ máy** | **Công suất***(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** |
| Tổ máy 1 |  |  |  | Tổ máy 3 |  |  |  |
| Tổ máy 2 |  |  |  | Tổ máy 4 |  |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục 1.2; II)*